

CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA NGOẠI NGỮ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

• PGS.TS. BÙI HIỀN
Hội Cựu giáo chức Việt Nam

Trong hoạt động giáo dục của nhà trường phổ thông chương trình (CT) là một văn bản pháp quy bắt buộc, là cơ sở khoa học giúp cho các nhà quản lí, giáo viên lấy làm căn cứ xuất phát để thực hiện những chức năng cơ bản của mình: hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn, biên soạn sách giáo khoa (SGK) và các tài liệu bổ trợ, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả của mỗi công việc riêng biệt và của toàn bộ quá trình giáo dục. Bởi vậy CT luôn được coi là thước đo chuẩn mực chính thức đầu tiên không thể thiếu được của giáo dục trong nhà trường. Sở dĩ CT đóng vai trò, vị trí quan trọng như vậy là do nó chứa đựng những yếu tố chủ chốt nhất của hoạt động giáo dục trong nhà trường, giúp cho mọi thành phần tham gia giáo dục có thể hướng theo mục đích giáo dục và luôn luôn bám sát chúng trong quá trình thực hiện chức năng của mình như sau:

1. Mục đích đưa môn học vào CT giáo dục để làm gì;
2. Vị trí môn học trong tổng thể kế hoạch giáo dục: số tiết/tuần, số năm học, năm bắt đầu và năm kết thúc môn học;
3. Mục tiêu môn học từng năm học và mục tiêu cuối cùng toàn khoá;
4. Nội dung, mức độ yêu cầu các mặt giáo dục bộ môn qua từng năm học và toàn khoá học;
5. Phương pháp chủ đạo dạy và học của bộ môn;
6. Chuẩn chất lượng tối thiểu cho từng năm học và cho toàn khoá;
7. Hình thức đánh giá chất lượng thường xuyên, định kì và toàn năm, toàn khoá (kiểm tra, thi nói hoặc viết);
8. Giá trị của kết quả học tập bộ môn trong quá trình giáo dục chung: điểm tham khảo hay bắt buộc, điểm bình thường hay có hệ số.

Trước khi đi vào xem xét CT bộ môn ngoại ngữ, cần tìm hiểu rõ bản chất của ngoại ngữ

với những tính năng và công dụng của nó trong đời sống xã hội. Qua phân tích ta có thể thấy, mọi ngoại ngữ đều mang trong mình các chức năng giáo dục cụ thể như sau:

- 1/ Ngoại ngữ làm công cụ giúp cho người đã học giao tiếp được với người bản ngữ và người nước ngoài khác biết ngoại ngữ đó;
- 2/ Ngoại ngữ có khả năng góp phần giáo dục nhân cách toàn diện, khi được đưa vào dạy học trong nhà trường của một nước;
- 3/ Ngoại ngữ dùng làm phương tiện giúp cho người học có thể hoàn thiện thêm tiếng mẹ đẻ và nâng cao một phần khả năng tư duy ngôn ngữ;
- 4/ Ngoại ngữ là kho chứa mọi giá trị văn hoá, đồng thời là công cụ chuyển tải các thông tin trên mọi lĩnh vực của quốc gia sản sinh ra ngoại ngữ đó hoặc của một vài quốc gia sử dụng ngoại ngữ ấy đến người học, người dùng, do đó nó cũng có thể vừa làm phong phú vốn tri thức cho người học, vừa làm cho họ bị lai căng về ngôn ngữ, phong cách, tư duy và lối sống;

5/ Ngoại ngữ là công cụ tuyên truyền, cổ vũ, tác động từ nước ngoài đến người học theo các định hướng giá trị vật chất và tinh thần của nước đó, khi ngoại ngữ nằm trong tay chính những người bản ngữ dùng nó để truyền bá các giá trị tư tưởng, văn hoá nhằm đạt được các mục đích chính trị của họ.

6/ Ngoại ngữ có khả năng trở thành phương tiện hữu hiệu dung nạp một phần giá trị văn hoá bản địa của quốc gia người học nó để chuyển lại cho chính dân tộc sản sinh ra ngoại ngữ đó và những người nước ngoài khác[1].

Ngay từ sau ngày Độc lập và trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Bộ Giáo dục nước ta đã cho học song song hai ngoại ngữ từ đệ nhất trung học (tương đương lớp 5/12) trở lên theo kế hoạch dạy học: tiếng Pháp 3 tiết/tuần, tiếng Anh 2 tiết/tuần. CT bộ

môn chưa có, tài liệu giáo khoa cho phép dạy theo các bài tự soạn của giáo viên, còn tiếng Anh chủ yếu dạy theo bộ L'Anglais vivant. Tuy là vào đệ nhất trung học mới được học ngoại ngữ, nhưng học sinh lúc bấy giờ đều đã học qua tiếng Pháp ở bậc tiểu học 5-6 năm thời Pháp thuộc, nên đã có thể dùng được sách tham khảo các bộ môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Pháp. Chỉ có tiếng Anh là bắt đầu từ ABC. Tất cả những vấn đề cơ bản của CT môn ngoại ngữ nêu trên chưa được đề cập đến trong các văn bản của Bộ, nhất là về mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với bộ môn, do đó việc dạy học có thể nói là chỉ dựa hoàn toàn vào sự hiểu biết và kinh nghiệm của giáo viên từ thời kì Pháp thuộc. Cho nên theo nếp cũ, những yêu cầu nắm ngoại ngữ được đặt ra rất cao, cả về kiến thức lẫn các kĩ năng giao tiếp, không kém tiếng Pháp thời thuộc địa là bao. Đặc biệt phải nói là thời kì đó ngoại ngữ được đặt trong nhóm bộ môn có hệ số cao, nghĩa là điểm thi cuối năm và thi tốt nghiệp tiếng Pháp đều được nhân lên 3 lần để tính điểm bình quân cả năm, nên rất có lợi khi thi đạt điểm cao, và ngược lại sẽ rất bất lợi khi bị điểm dưới trung bình, vì hầu như không thể lấy điểm của các môn hệ số 1 (lịch sử, địa lí, văn vật...) lấp nổi 3 lần hụt điểm ấy. Vì thế học sinh nào cũng lo học tốt môn ngoại ngữ. Ngày nay khi bàn về vấn đề dạy học ngoại ngữ nhiều người, nhất là các vị lão thành, thường phê phán chất lượng quá kém so với ngày xưa, bởi vì không theo kinh nghiệm của người Pháp, người Anh, Mỹ. Song đó chỉ là sự so sánh khập khiễng, cảm tính, mà không dựa trên những cơ sở khoa học đầy đủ về giáo dục học bộ môn ngoại ngữ, thực chất là người ta đã nhầm lẫn vai trò và chức năng của môn ngoại ngữ trong trường phổ thông với vị trí, chức năng của thứ tiếng được lấy làm quốc ngữ hoặc ngôn ngữ chính thức của một nhà nước. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển sang thời kì gay go, ác liệt nhất, Nhà nước ta quyết định cải cách giáo dục để tạo nguồn nhân lực hùng mạnh cho tiền tuyến cũng như hậu phương. Hệ thống giáo dục rút xuống còn 9 năm với 3 cấp học, các CT bị cắt giảm, còn ngoại ngữ thì không được dạy nữa.

Tuy nhiên do sớm nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ, nên ngay năm

1955, sau khi về thủ đô, Đảng và Nhà nước đã quyết định mở trường Ngoại ngữ đầu tiên để đào tạo gấp đội ngũ cán bộ cho tất cả các ngành tham gia khôi phục kinh tế và củng cố quốc phòng trên miền Bắc. Song định hướng chung này chỉ mang tính chính trị-ngoại giao hơn là ý nghĩa giáo dục của một môn văn hoá cơ bản trong trường phổ thông. Bởi thế Bộ Giáo dục nước ta không có một chiến lược giáo dục ngoại ngữ rõ ràng, cụ thể, ổn định lâu dài, không đề ra được quy hoạch, kế hoạch phát triển bộ môn ngoại ngữ nói chung và từng thứ tiếng nói riêng ở các cấp học phổ thông, không có CT bộ môn quy định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp, không có đội ngũ giáo viên và SGK phù hợp về số lượng và chất lượng với nhu cầu và điều kiện thực tiễn. Do đó qua hơn chục năm dạy học ngoại ngữ, mà hiệu quả giáo dục chẳng có là bao. Và thực tế đã cho thấy là tất cả học sinh tốt nghiệp cấp III đều chưa nắm được 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ giao tiếp tối thiểu ban đầu, nghĩa là *học ngoại ngữ 3 năm cấp III không để làm gì cả*. Nhận ra những bất cập đó nên Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyên mới chủ trương phải nhanh chóng cho dạy học ngoại ngữ từ lớp 6 đến lớp 12, bắt đầu hợp tác với Liên Xô biên soạn và xuất bản toàn bộ hệ thống liên hoàn SGK tiếng Nga cho cấp II - III. Kết quả là 7 bộ phức hợp SGK tiếng Nga gồm có SGK, sách hướng dẫn giáo viên và sách đọc thêm đã được đưa vào dạy học từ năm 1980. Từ góc độ giáo dục học ngoại ngữ hiện đại để xem xét CT và SGK tiếng Nga mới này cũng như các ngoại ngữ Anh, Pháp được biên soạn theo phương hướng giao tiếp, có thể rút ra được những điều bổ ích chủ yếu sau đây:

1. CT và phức hợp SGK tiếng Nga đã xác định và thể hiện rõ mục đích bồi dưỡng lí tưởng, đạo đức cách mạng, trang bị kiến thức ngôn ngữ-văn hoá Nga và hình thành các kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Nga làm công cụ tiếp thu tinh hoa văn hoá Nga và giới thiệu văn hoá Việt ra nước ngoài.

2. CT đặt rõ mục tiêu cho toàn khoá là phải nâng cao trình độ văn hoá chung trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của Liên Xô và Việt Nam, phải nắm được kiến thức ngôn ngữ

Nga hiện đại có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh. Về thực hành giao tiếp, mục tiêu đặt ra là phải rèn luyện cho học sinh nắm chắc 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết theo 3 giai đoạn: giai đoạn 2 năm đầu hướng trọng tâm vào rèn luyện kĩ năng hội thoại (nghe-nói), giai đoạn 2 năm giữa chú trọng hơn các kĩ năng đọc, viết để cân bằng đồng bộ 4 kĩ năng cơ bản, giai đoạn 3 năm cuối chuyển trọng tâm sang nâng cao kĩ năng đọc hiểu văn bản để hoàn thành mục tiêu chung của bộ môn ngoại ngữ trong trường phổ thông.

3. Hệ thống phương pháp được lựa chọn cho môn học là phương pháp giao tiếp tích cực - cá thể hoá do hai chủ biên Vi-a-chut-nhép và Bùi Hiền đề xướng với hai nguyên tắc cơ bản là: "nguyên tắc giao tiếp tích cực" và "nguyên tắc hướng toàn bộ việc giảng dạy của giáo viên phục tùng trọn vẹn việc nắm vững ngoại ngữ của học sinh" [2]. Nghĩa là nguyên tắc thứ nhất là rèn luyện khả năng chủ động lựa chọn và thực hiện chương trình hành động lời nói liên tục theo tình huống giao tiếp cụ thể. Còn nguyên tắc thứ hai quy định phải phân chia nội dung dạy học ra thành hai phần cứng và mềm với 3 mức độ khác nhau cả về kiến thức lẫn kĩ năng: mức độ tối thiểu, mức độ trung bình, mức độ tối đa để phù hợp với 3 loại đối tượng học sinh khác nhau: yếu kém, trung bình và khá giỏi, do đó loại bỏ lối dạy học theo kiểu cào bằng gây ra quá tải với học sinh yếu kém và non tải với học sinh khá giỏi như trước đây.

4. CT rất coi trọng việc ôn tập, kiểm tra và đánh giá theo nguyên tắc học gì thì nấy đúng như yêu cầu của từng năm học và từng giai đoạn dạy học. Đặc biệt là CT và SGK tiếng Nga không chấp nhận kiểu thi "trắc nghiệm", vì nó trái ngược với nguyên tắc tự giác tích cực của SGK tiếng Nga. Gần đây chính Tổng thống đương nhiệm Barack Obama của Hoa Kỳ đã phải ra quyết định "loại bỏ chương trình thi trắc nghiệm theo đề thi quốc gia thống nhất để xét tốt nghiệp và xét tuyển vào đại học, cao đẳng", bởi vì "Hơn 10 năm nay, hệ thống thi theo kiểu 2 trong 1 được coi là bệnh nan y của nền giáo dục Mỹ" và ông cảnh báo: "Mỹ đang phải đối

mặt với nguy cơ tụt hậu về giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông"[3].

Song thật đáng tiếc là các cơ quan chỉ đạo chuyên môn không nắm được những thay đổi có tính đột phá giai đoạn kể trên của CT và SGK tiếng Nga thế hệ mới, do đó những ưu điểm của CT và SGK đã không phát huy tác dụng trong quá trình dạy học của các trường.

Tuy nhiên những trường chuyên và lớp chuyên ở các tỉnh, thành phố đã tiến hành dạy học tiếng Nga theo sát quy trình chỉ dẫn sư phạm từ lớp 6 đến lớp 12, nên đều đã đạt kết quả đáng khích lệ: bằng chứng là các đoàn ô-lim-píc tiếng Nga cả cấp II và cấp III của Việt Nam luôn luôn được xếp ở hạng cao, đứng trên cả nhiều đoàn từ các nước châu Âu, châu Mỹ, mặc dù tiếng Nga đối với họ dễ học hơn so với học sinh Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH 10 của Quốc hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, từ năm 2003 Bộ GD&ĐT đã chủ trương cho soạn lại toàn bộ CT, SGK tất cả các bộ môn của 7 lớp bậc trung học kèm theo bộ chuẩn kiến thức, kĩ năng cho mỗi năm học và đã bắt đầu được triển khai trong cả nước...

Ngoại ngữ luôn luôn đóng vai trò quan trọng đối với các mặt chính trị, ngoại giao, văn hoá, quân sự, thậm chí cả an ninh quốc gia nữa. Có đường lối giáo dục ngoại ngữ đúng đắn để nắm chắc và khôn khéo sử dụng nó thì sẽ thu được những lợi ích rất to lớn cho đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hiền, *Những vấn đề giáo dục ngoại ngữ trong quá trình hội nhập*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 9-2007, tr.52.
2. Bùi Hiền và Vi-a-chut-nhép chủ biên, *Sách giáo viên, Tiếng Nga*, quyển 1, tr. 4-12. , Mat-xcơ-va, 1986.
3. *Giáo dục-Du học*, «*Mỹ bỏ kì thi «2 trong 1»*», Tien phong online, Thứ tư, 03/02/2010.

SUMMARY

Foreign languages have a very important role in all aspects of the social life, therefore teaching languages in Vietnamese schools should attain the set goals, have a real scientific, effective and Vietnamese specific curriculum and textbooks.